

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DSST

Ngày: 29/3/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA , TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Xuân Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Đào Thị Ngâm;

**- Thư ký phiên tòa :** Bà Lê Diễm Anh Trúc - Thư ký tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên  
tòa:** Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2014/TLST - DS ngày 17 tháng 6 năm 2014 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Trú tại: đường T, phường M, thành phố T, Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Tuyết D, sinh năm 1969; HKTT: đường L, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; chỗ ở hiện nay: đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2012 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/12/2018, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày:* Bà Nguyễn Thị Tuyết D có vay và còn nợ bà Hồ Thị Thanh S số tiền sau: 5.100.000đ (theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 27/10/2010), 10.000.000đ (theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 30/11/2010), 20.000.000đ (giấy nhận nợ vay tiền ngày 03/11/2010) và số tiền 30.000.000đ (theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 26/01/2011). Bà S khởi kiện yêu cầu bà D trả tiền gốc và tiền lãi từ khi vay cho đến khi trả hết nợ theo quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử vắng mặt.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết D trình bày:* Năm 2011, bà có vay bà Hồ Thị Thanh S 03 lần cụ thể: lần thứ nhất 10.000.000đ, lần thứ hai 5.000.000đ, lần thứ ba 10.000.000đ. Tổng cộng 25.000.000đ. Từ ngày vay đến nay do hoàn cảnh khó khăn nên bà chưa có trả cho bà S khoản tiền nào. Nay bà S khởi kiện yêu cầu số tiền 5.100.000đ (theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 27/10/2010), số tiền 10.000.000đ (theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 30/11/2010), số tiền 20.000.000đ (giấy nhận nợ vay tiền ngày 03/11/2010) và số tiền 30.000.000đ (theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 26/01/2011) và tiền lãi theo thỏa thuận thì bà có ý kiến như sau: Bà không có vay bà S với số tiền nhiều như vậy nhưng do ít học lại tin tưởng nên mỗi lần bà S yêu cầu viết lại giấy nhận nợ vay tiền thì bà viết nên bà S mới có nhiều giấy nợ để kiện. Bà không có chứng cứ chứng minh vấn đề này. Bà D thừa nhận những giấy nhận nợ vay tiền do bà S cung cấp cho Tòa án đúng là chữ viết và chữ ký của mình nên bà D chấp nhận trả nợ gốc cho bà S theo từng giấy nhận nợ vay tiền đã ký (với tổng số tiền nợ gốc phải trả là 65.100.000đ); đối với số tiền lãi thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần hàng tháng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) cho đến khi trả hết nợ.

### **Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên cần xét xử vắng mặt đương sự.

+ Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 305, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự (BLDS) 2005; Nghị quyết 01/2019 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ gốc 65.100.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng từ ngày vi phạm đến khi thanh toán hết nợ. Về án phí: buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S có yêu cầu giải quyết vắng mặt được ghi vào biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, bị đơn Nguyễn Thị Tuyết D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Về hợp đồng vay tài sản ngày 27/10/2010: Số tiền vay 5.100.000đ, thỏa thuận góp 150.000đ/ngày (thời gian góp 34 ngày từ ngày 27/10/2010 - 30/11/2010) lãi 3%/tháng là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 478 BLDS năm 2005. Bị đơn thừa nhận chưa trả cho bà S khoản tiền nào từ khi vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên nguyên đơn khởi kiện có cơ sở chấp nhận, buộc bị đơn phải trả gốc 5.100.000đ và tiền lãi theo quy định tại các điều 476, 478 BLDS 2005, được hướng dẫn tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như sau:

[5] + Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 27/10/2010 đến ngày 30/11/2010 là:  $5.100.000đ \times 13,5\%/năm \times 34 \text{ ngày} = 65.025đ$ .

[6] + Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 01/12/2010 đến ngày 29/3/2019 là:  $5.100.000đ \times 9\%/năm \times 8 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 3.822.450đ$ .

[7] Tổng cộng tiền gốc, lãi của hợp đồng vay tài sản được lập theo giấy nhận nợ ngày 27/10/2010 là:  $5.100.000đ + 3.822.450đ + 65.025đ = \mathbf{8.987.475đ}$ .

[8] Về hợp đồng vay tài sản ngày 30/11/2010: Số tiền vay 10.000.000đ, thỏa thuận góp 167.000đ/ngày, lãi 5%/tháng, góp 60 ngày (từ ngày 30/11/2010 - 29/01/2011). Đây là khoản vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005. Bị đơn thừa nhận chưa trả cho bà S khoản tiền nào từ khi vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên nguyên đơn khởi kiện có cơ sở chấp nhận, buộc bị đơn phải trả gốc 10.000.000đ và tiền lãi theo quy định tại các điều 476, 478 BLDS 2005, được hướng dẫn tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như sau:

[9] + Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ của 60 ngày (từ ngày 30/11/2010 đến ngày 29/01/2011) là:  $10.000.000đ \times 13,5\%/năm \times 60 \text{ ngày} = 225.000đ$ .

[10] + Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 30/01/2011 đến ngày 29/3/2019 là:  $10.000.000đ \times 9\%/năm \times 8 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 7.347.500đ$ .

[11] Tổng cộng tiền gốc, lãi của hợp đồng vay tài sản được lập theo giấy nhận nợ ngày 30/11/2010 là:  $10.000.000đ + 225.000đ + 7.347.500đ = \mathbf{17.572.500đ}$ .

[12] Về hợp đồng vay tài sản theo giấy nhận nợ lập 03/11/2010: Số tiền vay 20.000.000đ, thỏa thuận góp 200.000đ/ngày (thời gian góp 100 ngày từ ngày 03/11/2010 - 11/02/2011) lãi 3%/tháng. Đây là khoản vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 478 BLDS năm 2005. Bị đơn thừa nhận chưa trả cho bà S khoản tiền nào từ khi vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên nguyên đơn khởi kiện có cơ sở chấp nhận, buộc bị đơn phải trả gốc 20.000.000đ và tiền lãi theo quy định tại các điều 476, 478 BLDS 2005, được hướng dẫn tại khoản 2, Điều 4 Nghị

quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như sau:

[13] + Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả của 100 ngày (từ ngày 03/11/2010 đến ngày 11/02/2011) là:  $20.000.000đ \times 13,5\%/năm \times 100 \text{ ngày} = 750.000đ$ .

[14] + Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 12/02/2011 đến ngày 29/3/2019 là:  $20.000.000đ \times 9\%/năm \times 8 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 14.635.000đ$ .

[15] Tổng cộng tiền gốc, lãi của hợp đồng vay tài sản được lập theo giấy nhận nợ ngày 03/11/2010 là:  $20.000.000đ + 750.000đ + 14.635.000đ = 35.385.000đ$ .

[16] Về hợp đồng vay tài sản theo giấy nhận nợ lập 26/01/2011: Số tiền vay 30.000.000đ, thỏa thuận góp đến 26/02/2011, trả đủ không hẹn, lãi 5%/tháng. Đây là khoản vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 478 BLDS 2005. Bị đơn thừa nhận chưa trả cho bà S khoản tiền nào từ khi vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên nguyên đơn khởi kiện có cơ sở chấp nhận, buộc bị đơn phải trả gốc 30.000.000đ và tiền lãi theo quy định tại các điều 476, 478 BLDS 2005, được hướng dẫn tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như sau:

[17] + Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả của 01 tháng (từ ngày 26/01/2011 đến 26/02/2011) là:  $30.000.000đ \times 13,5\%/năm \times 01 \text{ tháng} = 337.500đ$ .

[18] + Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 27/02/2011 đến ngày 29/3/2019 là:  $30.000.000đ \times 9\%/năm \times 8 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 21.840.000đ$ .

[19] Tổng cộng tiền gốc, lãi của hợp đồng vay tài sản được lập theo giấy nhận nợ ngày 26/01/2011 là:  $30.000.000đ + 337.500đ + 21.840.000đ = 52.177.500đ$ .

[20] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 471, 474, 476, 478 của BLDS năm 2005, Điều 468 BLDS năm 2015.

Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

**Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bà Nguyễn Thị Tuyết D phải thanh toán trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền:

- Hợp đồng vay tài sản ngày 27/10/2010: Tiền gốc 5.100.000đ (năm triệu một trăm nghìn đồng); tiền lãi trong hạn 65.025đ (sáu mươi lăm nghìn không trăm hai mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn 3.822.500đ (ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng). Tổng cộng **8.987.475đ (tám triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng).**

- Hợp đồng vay tài sản ngày 30/11/2010: Tiền gốc 10.000.000đ (mười triệu đồng); tiền lãi trong hạn 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng); tiền lãi quá hạn 7.347.500đ (bảy triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Tổng cộng **17.572.500đ (mười bảy triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).**

- Hợp đồng vay tài sản ngày 03/11/2010: Tiền gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); tiền lãi trong hạn 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng); tiền lãi quá hạn 14.635.000đ (mười bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng **35.385.000đ (ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng).**

- Hợp đồng vay tài sản ngày 26/01/2011: Tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); tiền lãi trong hạn 337.500đ (ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng); tiền lãi quá hạn 21.840.000đ (hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng cộng **52.177.500đ (năm mươi hai triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 30/03/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

[2] Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị Tuyết D phải chịu 5.706.000đ (năm triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền 1.627.500đ (một triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 12144 ngày 16/6/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Xuân Thu**